

# VAI TRÒ CỦA “KIẾN AN THẤT TỬ” ĐỐI VỚI SỰ HÌNH THÀNH PHONG CÁCH THI CA KIẾN AN

Trần Văn Trọng  
Phòng Đào tạo  
Email: trongtv@dhhp.edu.vn

Ngày nhận bài: 16/4/2023

Ngày PB đánh giá: 02/6/2023

Ngày duyệt đăng: 19/6/2023

**TÓM TẮT:** Trong tiến trình thi ca Trung Hoa, thi ca Kiến An có địa vị rất quan trọng, bởi lẽ nó đã phá vỡ cục diện trầm lắng suốt bốn trăm năm của thi đàn đời Hán, đưa sáng tác thơ ca tiến vào một giai đoạn mới. Sáng tác thi ca thời kỳ này thu được nhiều thành tựu mới mẻ và kết tinh một số đặc điểm mà lý luận văn học đời sau khái quát thành “phong cốt Kiến An”. Trong thi ca Kiến An, giới nghiên cứu thường tập trung vào nghiên cứu Tam Tào mà coi nhẹ Thất tử, vì vậy chưa thấy hết được đóng góp của thi ca Thất tử vào sự hình thành phong cách Kiến An. Bài viết này tập trung nghiên cứu, đánh giá vai trò, địa vị và đóng góp của thi ca Thất tử đối với sự hình thành phong cách thi ca Kiến An.

**Từ khóa:** Thi ca, thi ca Kiến An, Tam Tào, Thất tử, phong cách

---

## THE ROLE OF “SEVEN KIEN AN POETS” FOR THE CONSTRUCTION OF KIEN AN POETIC STYLE

**ABSTRACTS:** In the process of Chinese poetry, Kien An poetry plays an essential role, because it has broken the quiet state of the Han dynasty for four hundred years, bringing poetic composition into a new stage. The poetic composition of the period obtained a lot of new achievements and crystallized a number of characteristics that later literary theory—generalized into “Kien An style”. In Kien An poetic style, researchers often focus on studying Tam Tao but underestimate seven Poets, therefore, the contribution of seven poets' poetry has not been fully realized in the formation of Kien An poetic style. This article focuses on researching and evaluating the role, position and the contribution of the seven poets' poetry to the formation of Kien An poetic style.

**Keywords:** Poetry, Kien An poetry, Tam Tao, seven Poets, style

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong tiến trình thi ca cổ điển Trung Hoa, thi ca Kiến An có một địa vị quan trọng, bởi lẽ nó đã phá vỡ cục diện trầm lắng suốt bốn trăm năm của thi đàn đời Hán, đưa sáng tác thơ ca tiến vào một giai đoạn mới. Sáng tác thi ca thời kỳ này thu được nhiều thành tựu mới mẻ và kết tinh một số đặc điểm, phong khí mới mà lý luận văn học đời sau khái quát thành “phong cách Kiến An” (*nguyên văn là phong cốt*). Ngoài ba cha con Tào Tháo, Tào Phi, Tào Thực (Tam Tào) và nữ sĩ Thái Diễm, diện mạo phong cách thi ca Kiến An còn có đóng góp quan trọng của bảy nhà thơ khác gồm Vương Xán, Trần Lâm, Từ Cán, Lưu Trinh, Nguyễn Vũ, Ứng Sướng, Khổng Dung (Thất tử). Mặc dù cuộc đời, sự nghiệp và thành tựu thi ca của Kiến An thất tử có khác nhau, nhưng điểm chung là họ đều sống trong cảnh loạn li cuối đời Đông Hán, đã từng trải qua nhiều thăng trầm, đau khổ nên đặc điểm sáng tác của Thất tử là thiên về tả cảnh loạn li và biểu hiện nỗi niềm ưu tư, than thở trước hiện thực. Sau giai đoạn 400 năm thịnh hành của thể Phú đời Hán với đặc điểm hoa mỹ, ước lệ thiên về hình thức thì thi ca Kiến An nói chung và thi ca Thất tử nói riêng là giai đoạn chống chủ nghĩa hình thức, sáo rỗng, yếu đuối và uỷ mị mãnh mẽ. Phong cách thi ca Kiến An vì vậy cũng được hình thành trên nền tảng đặc trưng thơ ca của Tam Tào, Thất tử, Thái Diễm. Nội hàm phong cách Kiến An chính là sự phản ánh tinh

thần đấu tranh can đảm, mãnh liệt trước hiện thực. Cụ thể, về nội dung nó chủ yếu miêu tả hiện thực xã hội chiến tranh loạn lạc, đời sống nhân dân điêu linh thống khổ cũng như hoài bão cá nhân được biểu hiện thành tình cảm trách nhiệm với thời đại một cách mãnh liệt; về hình thức, nó hướng đến sự cách tân, đổi mới, từ đó dần hình thành phong cách nghệ thuật hoa mỹ khoáng đạt, bi tráng khảng khái. Khả năng khám phá, phát hiện và cảm thức giá trị nhân sinh thời đại là một đặc trưng tiêu biểu của phong cách thi ca Kiến An.

## 2. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU

Thi ca Thất tử nằm ở giai đoạn chuyển giao giữa phong cách thơ Hán (đại diện là Tào Tháo) và phong cách thơ Ngụy (đại diện là Tào Thực) nên diện mạo và phong cách có phần bị lu mờ trước ánh sáng rực rỡ của cha con họ Tào. Tuy không thể so sánh được với Tam Tào, song thi ca của Thất tử cũng là đối tượng tìm hiểu của các nhà nghiên cứu.

Trong bài viết “Bàn về Kiến An thất tử” [12], tác giả Từ Công Thục đã đánh giá về Thất tử trên các phương diện: thái độ chính trị, khuynh hướng sáng tác, cá tính và phong cách nghệ thuật và địa vị trong lịch sử văn học. Từ những phân tích đã nêu ra trong bài viết, Từ Công Thục đánh giá thi ca Thất tử “*mang đặc điểm thời đại và thúc đẩy sự phát triển phong cách văn học*”, song

nhìn chung họ vẫn chỉ là “*nhà văn hạng hai, hạng ba*”.

Vương Bằng Đình - chuyên gia nghiên cứu về Thất tử, trong bài viết “Bàn về thành tựu sáng tác thơ ca của Thất tử” [2] đã đánh giá vai trò và ý nghĩa của thi ca Thất tử đối với sự phát triển phong cách thơ Trung Hoa. Trên cơ sở phân tích đặc điểm sáng tác và phong cách của mỗi nhà thơ, tác giả cho rằng thi ca Thất tử không chỉ đa dạng về đề tài, độc đáo về cá tính, mới mẻ về bút pháp mà đóng góp của Thất tử còn ở chỗ mở đường cho sự phát triển của hình thức thơ ngũ ngôn trong lịch sử thi ca Trung Hoa. Trong một bài viết khác, Vương Bằng Đình đã chỉ ra được sự khác biệt của sáng tác thi ca Thất tử so với thi ca đời Hán và thi ca đời Ngụy. Nếu thơ Tào Tháo mang phong cách thơ Hán, thơ Tào Thục mang phong cách thơ Ngụy thì thơ Thất tử nằm ở khoảng “quá độ” từ Hán đến Ngụy [4].

Công trình nghiên cứu toàn diện nhất về Kiến An thất tử cũng là nghiên cứu của Vương Bằng Đình. Trong công trình “Nghiên cứu về Kiến An thất tử” [3], tác giả đã đánh giá toàn diện vai trò, địa vị, tác động và ảnh hưởng của thi ca Thất tử trong đời sống văn hoá, chính trị và đời sống thi ca đương thời. Đây là công trình nghiên cứu công phu, đã bàn đến những nhân tố văn hoá, chính trị, lịch sử, xã hội cũng như hoàn cảnh, môi trường gia đình, cá tính, khí chất của mỗi cá nhân trong Kiến An thất tử để thấy

được thành tựu sáng tạo và phong cách văn chương của họ.

Có thể thấy, trong thi ca Kiến An, địa vị của Tam Tào, đặc biệt là Tào Thục nổi trội hơn cả. Tuy nhiên, từ góc độ lịch sử phát triển thi ca, việc tiến hành nghiên cứu sâu về Thất tử không chỉ là để đánh giá công bằng mà còn giúp ta có nhận thức sâu sắc hơn đặc trưng phong cách thi ca Kiến An. Đó là lý do và cũng là mục tiêu của bài viết này với mong muốn góp phần đánh giá vai trò của thi ca Thất tử đối với sự hình thành diện mạo phong cách thi ca Kiến An.

### 3. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

#### 3.1. Thơ Thất tử và sự quá độ, chuyển tiếp từ phong cách thơ Hán đến phong cách thơ Ngụy

Văn học Kiến An là giai đoạn chuyển tiếp từ văn học đời Hán sang văn học Tam Quốc. Về vai trò của Kiến An thất tử đối với sự hình thành phong cách thi ca Kiến An, Thẩm Đức Tiềm viết: “*Thơ Tào Tháo vẫn còn chịu âm hưởng thơ Hán, còn thơ Tào Phi hoàn toàn là mang âm hưởng đời Ngụy*” [11], còn Trần Tộ Minh cho rằng: “*phong cách thơ Tào Tháo tinh tế, mang âm hưởng thơ Hán (Hán âm), còn thơ Tào Phi hoàn toàn mang phong cách đời Ngụy (Ngụy hưởng)*” [6]. Cái gọi là “Hán âm” hay “Ngụy hưởng” là nói đến hai giai đoạn phát triển không giống nhau của thi ca Kiến An. “Hán âm” là nói đến cái khảng khái bi hùng, hèn hậu sôi nổi; còn “Ngụy hưởng” là lấy tình cảm lay động lòng

người, hoa mỹ khoáng đạt. Đây chính là hai bình diện biểu hiện của phong cách thi ca Kiến An. Đánh giá tổng thể thì thi ca của Thất tử không giống thơ Tào Tháo vốn hoàn toàn chịu ảnh hưởng thơ Hán, nhưng cũng không giống thơ Tào Phi, Tào Thục mang phong cách đời Ngụy, mà nó là sự chuyển tiếp quá độ giữa hai khuynh hướng trên.

Từ miêu tả hiện thực xã hội loạn lạc đến biểu đạt thể giới tình cảm nội tâm, tức từ “Hán âm” đến “Ngụy hưởng” là một bước chuyển biến quan trọng. Lưu Hiệp trong thiên *Minh thi* có nhận xét thi nhân Kiến An “*khảng khái thiên về khí phách, lỗi lạc thiên về đa tài*”[5]. “Khảng khái” (nguyên văn *hào phóng*) tức là khuấy động tình cảm bi tráng; còn “lỗi lạc” (nguyên văn *nhậm khí*) tức đề cập đến phong cốt văn khí xúc động. Để phản ánh hiện thực thì đặc trưng quan trọng của “Hán âm” là hào phóng bi hùng. Sáng tác của Thất tử thể hiện quan điểm sâu sắc về hiện thực, là một sự kế thừa và phát triển truyền thống thơ Hán. Thể giới thi ca của Thất tử vì vậy vang vọng tinh thần hiện thực chủ nghĩa phong phú, mãnh liệt đời Hán, biểu hiện sự cảm thông sâu sắc với cuộc sống của nhân dân lao động. Bài *Thất ai thi* (kỳ 1) của Vương Xán đã miêu tả tình cảnh của các nạn dân lưu vong do chiến tranh gây ra. Câu thơ “*xuất môn vô sở kiến/bạch cốt tế bình nguyên*” (ra ngõ toàn xương trắng/phủ kín cả bình nguyên) đã khái quát cao độ hiện thực li loạn thời Hán mạt như tình

cảnh người mẹ phải bỏ con nhỏ vì đói chính là tác giả đã từ tình cảnh đời sống khốn cùng của các nạn dân mà miêu tả tỉ mỉ, đúng như Trần Tộ Minh trong *Thái Thúc Đường cổ thi tuyển, quyển 7* đã bình luận “*loạn thế chi khổ, ngôn chi chân thiết*” (nỗi khổ thời loạn, lời nói thống thiết) khiến lay động tâm hồn, tình cảm chân thực của độc giả đối với đau khổ của dân chúng. Còn bài *Tòng quân thi* (kỳ 5) miêu tả sự phá hoại khủng khiếp của chiến tranh đối với quốc gia: “*tây vọng vô yên hỏa/dân kiến lâm dữ khâu/thành quách sinh trần cúc/khê kính vô sở do*” (trời tây không khói lửa/chỉ thấy rừng và đồi/thành quách cây cối mọc um tùm/đường nhỏ cũng không có). Dân cư thưa thớt, cỏ mọc um tùm, nước mắt nhà tan chính là sự miêu tả chân thực xã hội loạn lạc. Bài *Oán thi* của Nguyên Vũ có sự đồng tình sâu sắc đối với tai nạn thống khổ của nhân dân do hiện thực xã hội đem lại: “*dân sinh thụ thiên mệnh/phiêu nhược hà trung trần/tuy xung bách linh thọ/thực năng ứng thử thân/do hoạch anh hung họa/lưu lạc hằng khổ tân*” (dân vốn chịu mệnh trời/như bụi trần trôi sông/dù gọi thọ trăm tuổi/đâu ứng với thân này/còn bắt trẻ tàn bạo/lưu lạc hằng đắng cay). Bài thơ đã nói lên tiếng nói oán hờn, muôn nghìn cay đắng tận cùng của của người dân trong xã hội đương thời. Bên cạnh đó, *Ấm mã trường thành quật hành* của Trần Lâm mượn việc xây Trường Thành đời Tần để vạch trần nạn lao dịch khổ cực nặng nề.

Thông qua thủ pháp đối thoại giữa đôi vợ chồng người phu đắp thành, tác giả một mặt miêu tả mối tình chung thủy của người vợ đối với chồng cũng như lòng trắc ẩn bi ai của người chồng đối với viễn cảnh góa bụa của người vợ, mặt khác lên án chính sách lao dịch bạo ngược của chính quyền. Bài *Giá xuất bắc quách môn hành* của Nguyễn Vũ miêu tả cảnh ngộ bi thảm của đứa trẻ mồ côi do bị người mẹ ghẻ ngược đãi. *Biệt thi* của Ứng Sướng cực tả nỗi buồn lưu lạc tha hương. Thi ca của Thất tử đều từ những bình diện khác nhau của hiện thực xã hội chiến tranh, li loạn mà phản ánh gọi lên không khí bi thương. Thơ Thất tử lay động lòng người chính vì nó là sản phẩm hiện thực xã hội, là âm hưởng của thời đại.

Tính hiện thực sinh động trong thi ca của Thất tử là điều không cần bàn cãi, nhưng những tác phẩm biểu hiện cảm xúc tình cảm nội tâm có phần nhiều hơn. Những tác phẩm này giàu chất chất trữ tình, cảm động và chân thực. Đó không phải là những lời ca tụng công đức, cũng không phải những lời dạy bảo răn đời mà là tư tưởng, cảm xúc cá nhân tác giả được biểu hiện mạnh mẽ. Có thể nói, nội hàm phong cách thơ Ngụy được thể hiện tập trung ở đặc điểm “*dĩ tình động nhân*” (lấy tình cảm lay động lòng người). Các nhà bình luận đời trước đã nói đến đặc điểm này. Trần Tộ Minh bình luận *Thất ai thi* của Vương Xán “lấy tình làm đầu”, *Tạp thi* của Ứng Sướng “tình đến một cách tự nhiên”, *Tặng Ngũ quan trung*

*lang tướng* của Lưu Trinh thì “tình cảm quanh co” [6]. Còn Thẩm Đức Tiềm nói *Thất tử* của Từ Cán “tình đến sâu sắc” [11]. Những lời bình luận này đều đã đề cập đến đặc điểm “*dĩ tình động nhân*” của phong cách thơ Ngụy.

Cuộc sống của Thất tử trải qua nhiều năm tháng chiến tranh khốc liệt, tha hương lưu lạc, thân nhân tứ tán, nên thường viết về nỗi buồn li biệt và trở thành chủ đề quan trọng trong thơ ca của họ đúng như Lưu Hiệp đã nhận xét “*xem văn chương thời đó thấy thanh nhã khảng khái, chính là do trải qua bao năm loạn lạc, phong tục đời bại, đồng thời do ý chí sâu sắc, ngòi bút tài tình, cho nên văn chương của họ cứng cỏi, khảng khái mà lại giàu chí khí*” (Văn tâm điều long – *Thời tự*) [5]. Có thể lấy bài *Tòng quân thi* (bài 2) của Vương Xán làm ví dụ: “*chinh phu hoài thân thích/thùy năng vô luyện tình?/phủ khâm ý chu tường/quyển luyện tu Nghiệp thành*” (chinh phu nhớ người thân/ai chẳng lưu luyện tình /tựa cột đứt vạt áo/lưu luyện nhớ Nghiệp thành). Bài thơ thể hiện sự ưu tư lo lắng của cá nhân những đồng thời cũng là tình cảm chung của những con người trải qua chiến tranh, lưu lạc đương thời nên đã tạo nên tính cộng hưởng mạnh mẽ. Trong bài *Thất tử* của Từ Cán có câu “*ương hội vi hữu kỳ/ trung tâm thôi thiết sang*” (hạnh ngộ không cơ hội/lòng đau như dao cắt) và *Biệt thi* của Ứng Sướng cũng có câu “*hành dịch hoài cựu thổ/bi tư bất năng ngôn*” (hành binh nhớ quê cũ/buồn

chẳng cát thành lời)...đều nói nên nỗi sầu khổ bi thương. Nhưng không phải vì thứ tình cảm bi thương khiến họ chán nản, thất vọng, mà hơn thế ý chí mạnh mẽ, tinh thần tiên thủ, khát vọng công hiến của họ vẫn cháy âm ỉ. Chí khí, khát vọng đó biểu hiện nổi bật trong *Tòng quân thi* (bài 4) của Vương Xán (*tuy vô diên đao dụng/thử cơ phần bạc thân*- tuy không biết dùng đao/cũng phần đầu quên mình), *Tặng tòng đệ* (bài 3) của Lưu Trinh (*Vu tâm hữu bất yém/phần sứ lãng tử phân* - lòng chưa biết mệt mỏi/còn muốn vươn trời mây), *Tạp thi* của Khổng Dung (*Lã Vọng hướng bất hy/Di Tề hà túc mộ?* - Lã Vọng không quan tâm/Di Tề không cần biết); *Du lã* (bài 2) của Trần Lâm (*thử cơ cấp quân tại/lập đức thù công danh*- ngõ hầu cùng quân vương/lập công chẳng lập đức) và *Thị ngữ quan trung lang tướng Kiến Chương đài tạp thi* của Ứng Sương (*dục nhân vân vũ hội/trạc dục lãng cao thê* - muốn hội ngộ rồng mây/chấp cánh bay lên cao)... Tất cả đều dào dạt tình cảm lý tưởng, khát vọng lập công dương danh. Đương nhiên thi ca Thất tử cũng đầy sự ưu tư, cảm khái, than thở vì đường đời lận đận. Nhưng dù đó là sự truy cầu lí tưởng hay sự u buồn thất vọng thì cũng đều là sự biểu lộ tình cảm hiện thực của tác giả. Từ những tác phẩm này, chúng ta có thể cảm thụ sâu sắc hiện thực xã hội loạn lạc trong thế giới tâm hồn bi thống đồng thời cũng thấy được sự nảy sinh lý tưởng khát vọng mạnh mẽ giúp nước cứu đời của

nhà thơ. Chú trọng trữ tình, đề cao tinh thần đấu tranh hăng hái có thể xem đó là đặc trưng cơ bản của phong cách thơ Ngụy. Thi ca của Thất tử từ chỗ phản ánh hiện thực xã hội đến miêu tả tình cảm giúp nước cứu đời chính là sự quá độ chuyển tiếp từ phong cách thơ Hán đến phong cách thơ Ngụy.

Biểu hiện quan trọng sự chuyển biến từ phong cách thơ Hán đến phong cách thơ Ngụy là quá trình từ phong cách chất phác hồn hậu đến phong cách hoa mỹ khoáng đạt. Thi ca của Thất tử, đặc biệt là thơ nhạc phủ vẫn còn giữ được những đặc điểm chất phác hồn hậu của ca dao, dân ca, mặc dù ban đầu họ theo đuổi thứ thơ ngũ ngôn tinh xảo, hình thức hoa lệ, sau đó mới tiến đến thứ thơ khoáng đạt.

Tính chính xác, cô đọng và hàm súc của ngôn ngữ không phải chỉ là “đặc sản” của thơ Đường. Ở vào một giai đoạn rất sớm trong tiến trình thi ca Trung Quốc, thi ca Thất tử đã chú trọng đến luyện chữ đặt câu nhằm đề cao thơ ngũ ngôn. Trần Tộ Minh từng nhận xét thơ Lưu Trinh “bút khí sâu xa khác thường, giỏi gọt đẽo câu chữ”, thơ Từ Cán “lấy lời biểu ý”, thơ Nguyên Vũ “ngôn ngữ kỳ thú” [6]. Ngô Kỳ đời Thanh nhận xét hai câu “phong lưu vân tán/nhất biệt như vũ” trong bài *Tặng thái tử đệ thi* là “cô đúc tinh luyện”[8]. Những câu như “*nam đấng Ba Lãng ngạn/hồi thủ vọng Trường An*” (lên bên nam Ba Lãng/quay đầu ngắm Trường

An), “*tu quân như lưu thủy/hà hữu cùng dĩ thời*” (nhớ chàng như nước chảy/cần chi phải cùng thời), “*há bất li ngưng hàn/tùng bách hữu bản tính*” (đâu cần trời ngừng rét/là bản lĩnh tùng bách)... đều là những danh cú ngàn năm đâu phải chỉ là sự cô đúc tinh luyện mà thành. Những câu thơ như thế không chỉ nội hàm phong phú mà mỹ cảm mạnh mẽ, hàm súc ẩn ý, dư vị vô cùng. Đó là dụng công tinh luyện ngôn từ cao độ. Chữ “đĩnh” trong câu “*bách hủy đĩnh uy nguy*” hay chữ “đặt” trong câu “*Hàm Đan đặt kim đường*” không chỉ tả ra được sự tươi tốt hoa cỏ mà còn thể hiện vẻ đẹp tinh cảm lay động. Sở trường của Từ Cán là dùng hư từ, thậm chí hậu nhân đời sau còn phải khen ngợi: “*dùng nhiều hư từ trong thơ, không phải người đời Ngụy không làm được, dùng hư từ để diễn đạt, mỗi câu là một sự cố ý vậy*”[6]. Tất nhiên, cần lưu ý rằng, dùng chữ đặt câu của Thất tử không giống gọt đẽo ý tứ, tu sức ngôn từ hoa lệ như Tào Thục, nhưng cũng không làm mất bản sắc tự nhiên. Sáng tác của Thất tử không quá chú trọng việc tôi luyện câu chữ mà tập trung vào ý cảnh nên ngôn ngữ tuy có tu sức mà hoàn toàn tự nhiên, bình dị. Có thể lấy *Tùng quân thi*(bài 3) của Vương Xán làm ví dụ. Đây là một bài thơ ngôn chí biểu lộ hoài bão lớn lao. Đầu tiên, tác giả miêu tả cảnh thu thê lương trên đường chinh phạt Đông Ngô: “*tịch dương đích dư huy/tất xuất đích ai ô/cô điều đích cao phi/thảo lộ đích*

*hàn lượng*” (rực rỡ ánh chiều tà/tiếng đẽ kêu ai oán/cô đơn chim bay cao/cô ướt đầm sương lạnh). Những đặc trưng phong phú của cảnh vật được đan xen kết hợp với nhau tạo thành bức tranh thu buồn điển hình, tương phản với tình cảnh đau khổ, cô đơn và thê lương của chinh phu. Tình và cảnh hòa nhập làm một tạo nên ý cảnh nghệ thuật đặc sắc. Nhưng đây không phải là ý muốn phản ánh hiện thực của tác giả mà là tác giả lấy nguyện vọng mãnh liệt của yêu cầu kiến công lập nghiệp để làm nền cho sáng tác nghệ thuật: “*thân phục can qua sự/khi đắc niệm sở tư?/tức ngưng hữu thụ mệnh/từ lí bất khả vi*”(thân phục vụ chiến tranh/há nghĩ đến tình riêng?/tòng quân là thụ mệnh/không thể làm trái lẽ). Bài thơ này không chỉ ý cảnh nồng đượm mà còn biểu hiện được tinh thần tiến thủ hăng hái tích cực của tác giả. Tình cảm chân thực mãnh liệt có sức cảm hóa, lay động lòng người sâu sắc. Những bài thơ trên đã nói rõ đặc điểm hoa mỹ của thi ca Thất tử ở một trình độ nhất định đúng như Hứa Học Di từng nhận xét “*thơ ngũ ngôn đời Hán có cái tuyệt diệu, không lộ dấu vết đường tơ như Tào Thục, Từ Cán, Vương Xán*” [1]. Chú trọng tinh luyện ngôn từ, hình thức hoa mỹ – đó là dấu hiệu quan trọng trong phong cách mới của thơ Ngụy. Thi ca Thất tử từ chỗ hồn hậu sôi nổi đã chuyển biến sang phong cách hoa mỹ khoáng đạt, chính là sự thể hiện sự quá độ từ phong cách thơ Hán đến phong cách thơ Ngụy.

Như vậy, từ quỹ đạo vận động thi ca Thất tử đi từ phong cách thơ Hán đến phong cách thơ Ngụy, có thể thấy rõ hình thức biểu hiện của phong cách thi ca Kiến An không giống nhau ở hai giai đoạn trước và sau. Sự thống nhất, mối liên hệ của phong cách thi ca Kiến An nằm chính ở sự khu biệt của chúng mà thi ca Thất tử là gạch nối liên kết giữa hai giai đoạn.

### **3.2. Thơ Thất tử và sự đa dạng phong cách cá nhân**

Thi ca Thất tử không chỉ có những đặc điểm chung của thi ca Kiến An mà bản thân các nhà thơ đều có cá tính phong cách độc đáo, đặc sắc riêng. Trong Thất tử thì Vương Xán, Lưu Trinh là có thành tựu hơn cả bởi khi nói đến “Tào Vương” hay “Tào Lưu” đều không thể bỏ qua họ. Đánh giá về phong cách cá nhân của Thất tử, Lưu Hy Tải từng nhận xét “*Từ Cán khí thịnh, Vương Xán tình thịnh*” [10] tức đã nắm bắt chuẩn xác đặc điểm phong cách thơ của họ. Vương Xán là một tác giả bẩm thụ thông minh, tài hoa lừng lẫy. Tác phẩm của ông có kết cấu chặt chẽ tinh xảo, ngôn ngữ tinh luyện, lời lẽ hoa mỹ, tình cảm chân thực, đúng là “*văn như hoa xuân, ý như nước chảy*” như Tào Thục từng nhận xét. Dù là ngôn ngữ, tình cảm hay kể chuyện đều tự do, lâm li nồng nhiệt. Bài *Thất ai thi* (kỳ 1) được đời sau tán thưởng chính là vì đặc điểm này, đặc biệt là về kết cấu và ngôn từ chọn lựa khéo léo. Người xưa nhận xét rằng thơ Vương Xán ý tượng thì tươi sáng nhưng chưa đủ hùng hồn vì

“thê nhược” (thê yếu) “chất doanh” (chất thẳng) có vẻ không sát với sáng tác của Vương Xán. Từ góc độ ngôn ngữ thơ để xét thì thơ Vương Xán có cái khí vận trầm hùng, mô phỏng phong cách của Thào Tháo. Vương Xán “trong lòng mang chí lớn nhưng tính cách nóng nảy” [13]. Vì thế mà tính tình hào phóng thường bộc lộ khao khát lập công dương danh, cảm xúc mãnh liệt. Lưu Hiệp trong thiên *Thế tính* trong *Văn tâm điều long* đã lưu ý đến nét tính cách này của Vương Xán, điều này được thể hiện rất rõ trong bài *Tòng quân thi*. Vương Xán kiến thức uyên viễn, thông kim bác cổ, rất giỏi dùng điển, thường mượn ý tứ người xưa mà không lộ dấu vết. Ví dụ như các bài *Tặng Văn Thúc lương*, *Tư tân thi* là những bài thơ như vậy. Hạn chế của Vương Xán là những bài thơ thuộc loại thù tạc nhiều khi tán dương tăng bốc quá mức. Nhưng nhìn chung, ông xứng đáng là người đứng đầu trong Kiến An thất tử “*Vương Xán tài năng phiêu dật, nhanh mà lại kín; văn đã nhiều mà lại hay. Lời ít chỗ sai sót. Nếu chọn về thơ phú thì ắt đứng đầu thất tử*” [5]. Nhận xét này nhìn chung khá công bằng.

So với Vương Xán thì Lưu Trinh tuy tài tình không bằng nhưng phong khí thơ lại mạnh mẽ, ý cảnh cao kỳ lại vượt trên Vương Xán. Có thể nói khí khái cương trực là đặc điểm rõ rệt của thơ Lưu Trinh. Bài *Tặng tòng đệ* biểu hiện phong khí, cốt cách cao ngạo, kiên trinh của tác giả. *Cung yến thi* không giống như tên bài thơ nhuốm mùi rượu thịt mà



giống như bài thơ tả phong cảnh ý vị uoi đẹp trong sáng. Còn *Tặng ngũ quan trung lang tướng* chỉ tả đau khổ nội tâm và tình cảm sâu sắc của bằng hữu mà không có thái độ a dua xu nịnh bọn quyền quý. Còn *Tặng Từ Cán* thì đầy những lời khẳng khái bất bình, căm giận. Trong bài thơ có đề cập đến “khí”, thực chất đó là sự biểu hiện ra bên ngoài phẩm cách của thi nhân. Đặc điểm của thơ Lưu Trinh là “khí thịnh” nên thường biểu hiện qua cốt cách, cá tính cao ngạo. Theo sử liệu ghi chép, ông vì đã từng tiếp xúc phu nhân Chân thị của Tào Phi, lại từng lấy lễ thừa tướng mà tiếp Tào Thực nên bị kết án tử hình [13]. Loại cá tính, phẩm cách này đều đã thể hiện vẻ đẹp khí khái cương trực trong thơ ông. Chung Vinh trong *Thi phẩm* nói thơ Lưu Trinh “ít chạm trở điều khắc” [14], không phải là chê mà thực ra là khen cái “khí thịnh”. Hạn chế lớn nhất của thơ Lưu Trinh là sự nhận thức và phản ánh hiện thực cuộc sống tương đối hẹp. Thơ ông ít khi miêu tả, phơi bày hiện thực xã hội mà chủ yếu tập trung miêu tả tình cảm và bất hạnh cá nhân, giống như hạn chế của Tào Tháo hay Vương Xán là thơ nặng tính chất thi sử. Xét về mặt địa vị trong Thất tử, Lưu Trinh có lẽ chỉ đứng sau Vương Xán.

Xét riêng thi ca thì Trần Lâm, Nguyên Vũ, Từ Cán cũng là những thi nhân có danh tiếng đương thời. So sánh với Vương Xán và Lưu Trinh, thi ca của họ có đặc điểm sôi nổi, hồn hậu nghiêm nghị về phong cách thơ Hán.

Điều này là có mối liên hệ mật thiết đến việc học tập dân ca của họ. Tuy nhiên, do kinh nghiệm, tình cảm, cá tính, sở thích khác nhau mà tác phẩm của họ cũng có phong cách riêng. Trần Lâm lúc trẻ còn được xưng tụng “*tài vang bốn biển*” [13] là một người tài hoa có hoài bão lớn. Đáng tiếc là trước thì làm việc cho đối thủ chính của Tào Tháo là Viên Thiệu, sau lại mạo phạm thảo hịch chửi ba đời Tào Tháo. Tuy nhiên, do Tào Tháo yêu mến văn tài nên mới không truy xét tội danh. Trần Lâm có nỗi niềm khó nói trong lòng vì nương nhờ dưới trướng người khác, tâm trạng chán nản âm ỉ kéo dài, phải chăng vì thế mà tác phẩm của ông đầy âm điệu cảm khái như *Du lãm*- kỳ 2: “*sánh tai nhật nguyệt thệ/niên mệnh tướng tây khuynh/kiến công bất cập thời/chung đỉnh hà sở minh?/thâu niệm hoàn tâm phòng/khảng khái vịnh phần kinh*” (sống qua ngày đoạn tháng/từng làm tướng tây chinh/lập công không gặp thời/nào được khắc chung đỉnh?/cũng có một tâm phòng/khảng khái ngâm trong mộ). Hoài tài bất ngộ, về già mới làm tướng, đây là nỗi buồn day dứt không lúc nào nguôi trong lòng nhà thơ. Những câu thơ trong bài *Thất đề*: “*khảm kha cố nghi nhiệt/ti lậu hà sở tu?*” (vất vả vì oi bức/nhà rách còn ngại sao?) chất chứa bi ai, thấm đẫm nước mắt dường như bày tỏ nỗi lòng ra cho người biết, nhưng thực ra là nỗi thống khổ trong tâm hồn thi nhân biểu hiện ra ngoài. Đây là lời than thở kín đáo

nhưng không làm mất đi âm điệu hào hùng thời đại. Trong Kiến An thất tử, Nguyễn Vũ có mối quan hệ thân thiết với huynh đệ họ Tào, trong đó quan hệ với Tào Phi là sâu sắc nhất. Nhưng cha con họ Tào chỉ coi ông là người bạn văn chương thân thiết mà không coi trọng tài năng chính trị, cho nên thơ ông thường toát lên âm điệu bi ai như *Tạp thi* (bài 1): “*lâm xuyên đa bi phong/thu nhật khỏ thanh lương/khách tử dị vi thích/cảm thử dụng ai thương*”(núi rừng nhiều gió thổi/ngày thu buồn lạnh lẽo/dễ làm khách buồn lo/tình này ai chẳng thương).

“Bi phong” vốn xuất hiện phổ biến trong thơ Kiến An thất tử, vì nó phản ánh tâm lý của văn nhân sĩ phu và xã hội đương thời. Nhà thơ đứng trước bình nguyên bát ngát mà đau buồn than thở, cảm thấy cả thế giới như đắm chìm trong không khí bi ai. “*Đình niên bất tái ngộ/phủ quý bất trung lai*” (Thất ai), khiến người sinh buồn vì “*khách hành dị cảm mạo/ngã tâm tồ dĩ thương*” (Khỏ vũ) hay “*bạch phát tùy tiết đạo/vị hàn tư hậu y*” (Thất đề). Người sinh buồn vì “đa bi phong” là vì thi nhân phải đối diện với thế giới hiện thực đau khổ hỗn loạn mà phát tiết ra nỗi cảm khái. “Bi phong” là một hình ảnh độc đáo không chỉ phản ánh sâu sắc đặc điểm của thời đại mà còn phản ánh thế giới tâm hồn thi nhân và thể hiện ra phong cách thi ca của họ. Từ Cán một đời chăm chỉ học hành, đối với công danh lợi lộc coi nhẹ như lông

hồng, trước sau giữ lòng mình thanh bạch, theo chí mà làm. Thơ Từ Cán do đó thiếu khát vọng lý tưởng, chủ yếu miêu tả tình li biệt, vì thế mà tình cảm chân thành, tinh tế, ngôn từ lưu loát tự nhiên. Bài thơ *Thất tử* có thể xem là “thiên cổ tuyệt xướng”, có vẻ đẹp tự nhiên, ngôn từ hoa mỹ, tình cảm sâu sắc giống như phong cách mười chín bài cổ thi.

Thơ Ứng Sướng có phần gần với phong cách Từ Cán. Từ bé ông đã lưu lạc tha hương, trải qua những khó khăn gian khổ nên thơ ông “*có âm điệu than thở*” (Tạ Linh Vận). Bài *Thị ngữ quan trung lang tướng kiến Chương đài tập thi* cấu tứ tinh diệu, lấy hình ảnh chim nhạn để nói rõ thân thế mình, dùng thủ pháp nhân cách hóa để đối thoại đã tạo nên hiệu quả nghệ thuật độc đáo. Đặc sắc của bài thơ có thể tóm gọn trong nhận định của Trần Tộ Minh “*...uyển chuyển sâu sắc, ý nói ra mà không trùng lặp, tình muốn tận mà kết còn kín đáo, khiến người nghe thấy không có gì, có thể nói đã đạt đến cảnh giới không dùng lời biểu đạt*” [6]. Xét riêng ngôn từ hoa mỹ, Ứng Sướng có thể so sánh với “phong cách hoa mỹ” của Tào Thực.

Trong Kiến An thất tử, thi ca Khổng Dung ít có thành tựu hơn cả. Mặc dù ông là người khai sinh ra “ly hợp thể”, thử nghiệm sáng tác thơ lục ngôn, song thành tựu không cao. *Tạp thi* là bà thơ khá honsong vấn đề tác giả bài thơ vẫn còn những tranh luận. Khổng Dung tính tình hào phóng, không câu nệ

lễ tiết, nên thơ ông thể hiện rõ đặc điểm cá tính con người.

Nói tóm lại, thơ Thất tử mỗi người một phong cách không lẫn vào đâu. Vương Xán tài hoa trác việt, Lưu Trinh cương trực, khí khái mạnh mẽ; Trần Lâm phong khí lỗi lạc phi phạm, Nguyễn Vũ khảng khái bi thương nhưng bình dị chất phác, Từ Cán mới mẽ mà tự nhiên, Ứng Sướng phong thái uyển chuyển hoa mỹ, Khổng Dung văn chương hào phóng, chính trực. Cá tính thi ca Thất tử hiển minh rõ ràng, đặc sắc như chính danh xưng của nó, đó là sự thể hiện ra tính phong phú của nội hàm phong cách Kiến An. Đây có thể xem là một nhân tố quan trọng tạo nên thành tựu nổi bật của thi ca Kiến An.

### **3.3. Vai trò của Thất tử với sự hình thành phong cách Kiến An**

Đặc trưng nổi bật của phong cách Kiến An là tính đa dạng, phong phú. Thơ ca Thất tử, dù là về nội dung biểu đạt hay hình thức, thủ pháp nghệ thuật đều có nhiều đổi mới sáng tạo đã góp phần quan trọng nên phong cách Kiến An cùng với Tam Tào và nữ sĩ Thái Diễm.

Xét về thể loại, thi ca cổ đại Trung Quốc từ thể tứ ngôn trong *Kinh thi* phát triển đến thể ngũ ngôn đời Hán đã trải qua một giai đoạn tìm tòi lâu dài trên dưới 700 năm. Trong sự biến đổi quan trọng của hình thức thể loại, vai trò thúc đẩy tích cực đầu tiên là của Thất tử. Khi bàn về lịch sử phát triển thi ca, Lưu Hiệp từng nhận xét: “đến

đầu thời Kiến An, thể ngũ ngôn có bước nhảy vọt, Văn Đế, Trần Tư Vương có công cỡi trời dây cương; Vương, Từ, Ứng, Lưu đường lớn tha hồ rong ruổi” [5]. Cha con Tào Tháo và Thất tử sáng tác thơ ngũ ngôn tạo nên thời kỳ hưng thịnh của thi ca ngũ ngôn, làm cho thơ ngũ ngôn trở thành hình thức thể loại chủ yếu của thi nhân đời sau. Về điều này chỉ cần nêu con số thống kê đơn giản sau cũng có thể nói rõ vai trò của Kiến An thất tử. Thi ca Thất tử hiện còn là 103 bài, trong đó thơ ngũ ngôn là 80 bài chiếm 8/10. Tào Tháo sinh trước Thất tử, thơ ngũ ngôn của ông chỉ chiếm 3/10 toàn bộ sáng tác. So sánh với Tào Phi, Tào Thực vốn sinh sau Thất tử thì thơ ngũ ngôn của họ chiếm 5/10 và 8/10 trên toàn bộ sáng tác thi ca. Tào Tháo viết nhiều thơ tứ ngôn hơn thơ ngũ ngôn. Vương Xán, Ứng Sướng dù viết 9 bài thơ tứ ngôn, nhưng nói về số lượng là rất ít và cũng chủ yếu là sáng tác thời kỳ đầu. Trần Lâm, Nguyễn Vũ, Lưu Trinh, Từ Cán chủ yếu viết thơ ngũ ngôn. Điều này có thể thấy, thơ ngũ ngôn của Thất tử trên thi đàn Kiến An có địa vị rất quan trọng. Nói cách khác, sự thành thực, hưng thịnh thơ ngũ ngôn có đóng góp lớn của Thất tử. Đồng thời, Thất tử còn chú trọng đến sự hài hòa, nhịp nhàng âm tiết của hình thức thi ca. Ví dụ như *Tạp thi tứ thủ* – bài 1 của Vương Xán: “cát nhật giản thanh thời/tông quân xuất tây viên/phương quỹ sách lương mã/tĩnh trì lệ trung nguyên/bắc lâm

*Thanh Chương thủy/tây khan Bách Dương san/hồi tường du quảng hựu/tiêu diêu ba thủy gian*”. Toàn bài thơ tám câu, từng câu đều dùng vần, đối rất chỉnh, âm hợp âm luật nên thực tế đã tiếp cận hình thức thơ ngũ ngôn luật thi, có thể nói là tiền thân của thể thơ này đời sau.

Sáng tạo cái mới bao giờ cũng bắt nguồn từ nguyên lý học tập và kế thừa. Thất tử rất chú ý đến rút tĩa cái hay, học tập thi ca của đời trước, đặc biệt là thi ca dân gian nhưng không bắt chước, mô phỏng một cách đơn giản mà là khai phá, sáng tạo ra cái mới. Thất tử kế thừa truyền thống *Kinh thi*, *Sở từ* khi sử dụng thủ pháp *tỷ, hứng* trong nhiều tác phẩm. Trong *Kinh thi* và *Sở từ* phần lớn *tỷ, hứng* đều là so sánh đơn giản, dùng khởi hứng và ẩn dụ của khách thể để biểu hiện thống nhất một nội dung có tính chất tượng trưng, nhưng thường chỉ là một chương/đoạn của tác phẩm. Bài *Tặng tòng đệ* (bài 3) của Lưu Trinh toàn bài đều dùng *tỷ, hứng* giữa khách thể và chủ thể có sự hỗn dung liền mạch khiến cho ý cảnh nghệ thuật càng trở nên sâu sắc. Ở bài thơ này, phẩm cách thi nhân đúng như Chung Vinh bình luận “*thật như sương rơi, bay cao thoát tục*” là vitác giả thông qua ý nghĩa tượng trưng của cỏ xanh, tùng bách và phượng hoàng mà biểu đạt ra. Bài *Giá xuất bắc quách môn hành* của Nguyễn Vũ vừa học tập dân ca nhạc phủ, vừa sáng tạo ý mới. Bài thơ này rõ ràng đã lấy cảm hứng từ

bài dân ca nhạc phủ *Cô nhi hành* mà sáng tác, nhưng hoàn toàn không giống *Cô nhi hành*. Toàn bài đều dùng thơ ngũ ngôn rất chỉnh tề, dùng hình thức đối thoại ngôi thứ nhất để đưa trẻ mồ côi nói ra nỗi đau khổ bất hạnh, càng làm cho khoảng cách giữa nhân vật và độc giả được rút ngắn, vì thế mà sức lay động nghệ thuật và tình cảm chân thực gia tăng. Đó cũng là thủ pháp nghệ thuật “mượn xưa nói nay” mà Tào Tháo hay dùng cộng với sự hưởng ứng nhiệt tình của Thất tử, đã cho thấy thủ pháp nghệ thuật này được tiếp nhận rộng rãi là do công của Tam Tào và Thất tử.

#### 4. KẾT LUẬN

Thi ca Thất tử không chỉ là bộ phận quan trọng của thi ca Kiến An mà còn đóng góp vào sự hình thành phong cách Kiến An. Đối với sự hình thành, phát triển cũng như tác dụng quan trọng của phong cách Kiến An thì vai trò của Thất tử và Tam Tào cũng có ý nghĩa và vị trí ngang nhau. Việc nghiên cứu lịch sử phát triển thi ca cần phải thấy được đóng góp chung cũng như riêng của cả tập thể cũng như của từng cá nhân nhà thơ trong đó.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hứa Học Di (1987), *Thi nguyên biện thể*, Nhân dân văn học xuất bản xã, Bắc Kinh.
2. Vương Bằng Đình (2003), “Kiến An thất tử thi ca sáng tác thực tựu luận thuật”, Hà Nam đại học học báo.

3. Vương Bằng Đình (2004), *Kiến An thất tử nghiên cứu*, Bắc Kinh đại học xuất bản xã.
4. Vương Bằng Đình (2005), “Tồng Hán âm đáo Ngụy hưởng – thí luận Kiến An thất tử đích văn học sử địa vị”, Bắc Kinh công nghiệp đại học học báo.
5. Lưu Hiệp (1997), *Văn tâm điều long*, Nhà xuất bản Văn học, Phan Ngọc dịch.
6. Trần Tô Minh (2016), *Thái Thức đường cổ thi tuyển*, Xã hội khoa học văn hiến xuất bản xã.
7. Hàn Triệu Kỳ tuyển bình (2008), *Hán Ngụy lục triều thi*, Trung Hoa thiếu niên nhi đồng xuất bản xã.
8. Ngô Kỳ (2009), *Lục triều tuyển thi định luận*, Quảng Lăng thư xã xuất bản.
9. Nhiều tác giả (1998), *Lịch sử văn học Trung Quốc*, tập 1, Nhà xuất bản Giáo dục, Nhiều người dịch.
10. Lưu Hy Tải (1987), *Nghệ khái*, Thượng Hải cổ tịch xuất bản xã, Thượng Hải.
11. Thẩm Đức Tiềm (2006), *Cổ thi nguyên*, Trung Hoa thư cục xuất bản.
12. Từ Công Thực (2019), *Kiến An thất tử luận*, Xã hội khoa học văn hiến xuất bản.
13. Trần Thọ (1982), *Tam Quốc chí*, Trung Hoa thư cục, Bắc Kinh.
14. Chung Vinh (2011), *Thi phẩm*, Thượng Hải cổ tịch xuất bản xã, Thượng Hải.